

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 203114

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tập tính vật nuôi

Tên Tiếng Anh: Animal behavior

Đơn vị phụ trách:

- *Bộ môn:* Khoa học Sinh học Thú y
- *Khoa:* Chăn nuôi Thú y

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (3 tín chỉ lý thuyết)

Phân bố thời gian: 10 tuần (3 tiết lý thuyết/tuần)

Học kỳ: 7 (học kỳ 1 năm thứ 4)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- *GV phụ trách chính:* PGS. TS. Dương Nguyên Khang (ĐT. 098939017. Email: khang.duongnguyen@hcmuaf.edu.vn)
- *Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:* TS. Nguyễn Kiên Cường, SĐT: 0918572114; Email: cuong.nguyenkien@hcmuaf.edu.vn

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- *Môn học tiên quyết:* Sinh lý 1 và Sinh lý 2
- *Môn học trước:* Không

Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> | | | | | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---|-------------------------------------|--|--|--------------------------------------|-------------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> | | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> | |
| | | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| | | | | | | | |

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mô tả học phần

Môn học tập trung tìm hiểu về vật nuôi sẽ suy nghĩ và hoạt động như thế nào. Ngoài ra môn học còn tìm hiểu về những ứng dụng của tập tính vật nuôi trong thực tế sản xuất, những vấn đề cần xử lý đối với những tập tính không bình thường đối với vật nuôi. Môn học tập trung vào các vấn đề bao gồm: Tác động của môi trường và hoạt động của vật nuôi, di truyền và tập tính, nhận thức và tập tính vật của vật nuôi, tập tính và môi trường, tập tính xã hội, bản năng và luyện tập của vật nuôi, quản lý vật nuôi, những xáo trộn ảnh hưởng đến tập tính vật nuôi.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên:

- Kiến thức: người học hiểu biết về các tập tính (ăn uống, sinh sản, giao tiếp ...) của vật nuôi, khả năng xử lý các xáo trộn tập tính cho nhiều loài vật nuôi khác nhau. Từ đó giúp người học đánh giá được tình trạng welfare của vật nuôi thông qua các tập tính.
- Kỹ năng: biết được cách tiếp cận với thú (cầm, giữ, cột, vận chuyển). Đánh giá được tình trạng sức khỏe của thú thông qua tập tính. Biết cách ghi nhận và đánh giá tập tính.
- Thái độ: chuyên cần và chăm chỉ; chủ động và sáng tạo trong học tập.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT).

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|-------------------|---|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 | ELO12 | ELO13 | ELO14 | ELO15 | ELO16 |
| 203114 | Tập tính vật nuôi | N | S | H | H | S | N | S | S | S | S | N | N | H | S | H | S |

| Ký hiệu | KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CDR của CTĐT |
|-------------------------------------|---|---------------------|
| Kiến thức | | |
| LO1 | Hiểu rõ và nắm vững các tập tính và sở thích của vật nuôi (heo, bò, chó và gà). | ELO2, ELO3 |
| LO2 | Biết cách tiếp cận, cầm giữ, cố định và vận chuyển vật nuôi | ELO4, ELO5, |
| LO3 | Biết đánh giá tình trạng sức khỏe và sự welfare của vật nuôi thông qua sự thay đổi tập tính của chúng | ELO3, ELO4 |
| Kỹ năng | | |
| LO4 | Biết cách tiếp cận, bắt giữ và cố định thú trong gieo tinh, điều trị và các can thiệp khác. | ELO10, ELO11, ELO13 |
| LO5 | Biết cách đánh giá vấn đề welfare trong chăn nuôi và biết cách cải thiện điều kiện chăn nuôi để phòng bệnh. | ELO13 |
| LO6 | Biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và trình bày trước tập thể. Biết cách làm việc nhóm. | ELO7, ELO8, ELO9 |
| Thái độ và phẩm chất đạo đức | | |
| LO7 | Thể hiện thái độ nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong thực hành | ELO14 |
| LO8 | Tôn trọng các vấn đề đạo đức trong chăn nuôi, thú y và sử dụng thú thí nghiệm trong nghiên cứu và học tập | ELO15 |

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng lý thuyết kết hợp trình chiếu video về các tập tính của vật nuôi
- Đặt câu hỏi/ nêu một số tập tính bất thường của từng loài vật nuôi
- Hướng dẫn thực hiện kỹ năng tiếp cận, cầm giữ và cố định thú

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng
- Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị chuyên đề báo cáo
- Sinh viên trình bày chuyên đề, thảo luận và đặt câu hỏi trong báo cáo chuyên đề.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
- Thái độ: chăm chú nghe giảng, tích cực tham gia thảo luận, trả lời và đặt câu hỏi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10 (có tổng số 3 cột điểm)

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMD của học phần

| Các KQHTMD của HP | Tham dự lớp (10 %) | Báo cáo chuyên đề (20%) | Thi cuối kỳ (70 %) |
|-------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|
| LO1 | | X | X |
| LO2 | | X | X |
| LO3 | | X | X |
| LO4 | | X | X |
| LO5 | | X | X |
| LO6 | | X | |
| LO7 | X | X | |
| LO8 | X | X | X |

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

Tham dự lớp học:

| Tiêu chí | Tỉ lệ | Rất tốt | Đạt yêu cầu | Không chấp nhận |
|--------------------|-------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | | Từ 9-10 | Từ 5-8 | 0-4 |
| Hiện diện trên lớp | 70 | Tham gia 100 % buổi học | Tham gia >70% buổi học | Tham gia <70% buổi học |

| | | | | |
|----------|----|---|---------------------------|---|
| Tích cực | 30 | Tham gia nhiệt tình khi trao đổi trên lớp, phát biểu và trả lời nhiều câu hỏi | Không đặt/trả lời câu hỏi | Không trả lời ngay cả khi được chỉ định |
|----------|----|---|---------------------------|---|

Báo cáo chuyên đề:

Trong quá trình học sẽ có khoảng 10 chuyên đề được báo cáo, mỗi chuyên đề có khoảng 5 - 6 SV thực hiện. Sinh viên báo cáo chuyên đề sẽ được tối đa 2 điểm (trong tổng số 10 điểm của môn học).

| Tiêu chí | Tỷ lệ | Mức chất lượng | | | | Điểm |
|--------------------|-------|---|---|--|--|------|
| | | Rất tốt | Đạt yêu cầu | Dưới mức yêu cầu | Không chấp nhận | |
| | | 2 | 1,5 | 1 | 0đ | |
| Nội dung | 40 | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề | Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề | Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết. | |
| Hình thức, báo cáo | 30 | Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm | Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu. | Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe | Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung | |
| Trả lời câu hỏi | 30 | Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng | Trả lời được 70% câu hỏi. | Trả lời được 25%- 50% câu hỏi | Không trả lời được câu nào | |

Thi cuối kỳ:

- Thi tự luận 5 câu.
- Thời gian làm bài 60 phút

| Dạng câu hỏi | Rất tốt | Đạt yêu cầu | Không chấp nhận |
|---------------------|--|---|---|
| | Từ 8-10 | Từ 5-7 | Dưới 4 |
| Các câu hỏi tự luận | Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo | Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo | Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo |

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Dân và Dương Nguyên Khang, 2010. Sinh lý vật nuôi. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

2. Cunningham G. J., 2003. Textbook of veterinary physiology. W.B. Saunders Company, USA.
3. Griifin E. J. and R. S. Ojeda, 2000. Textbook of endocrine physiology (4th edition). Oxford University Press, USA.
4. Frandson D. R., L. W. Wilke and D. A. Fails, 2003. Anatomy and physiology of farm animals. Lippincott Williams & Wilkins, USA.
5. Payton R. R., P. Coy, R. Romar, J. L. Lawrence and J. L. Edwards, 2003. Heat shock increases glutathione in bovine oocytes. Abstracts, American Dairy Science Association, USA, p3.
6. Price E. O., 2008. Principles and application domestic animal behavior. Oxford University Press, USA.
7. Reece O. W., 2004. Dukes' physiology of domestic animals. Cornell University Press, USA.
8. Sjaastad V. O., K. Hove and O. Sand, 2003. Physiology of domestic animals. Scandinavian Veterinary Press, Finland.
9. Senger P. L., 1997. Pathways to pregnancy and parturition. Washington State University, USA.
10. Trang Web tuầ saùch khoa hoïc: <http://www.thuvienkhoahoc.com/VLOS.htm>

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần |
|------|---|------------------------------|
| 1 | Giới thiệu môn học và tập tính học Tác động môi trường và hoạt động của vật nuôi + Thế nào là tập tính, nguyên nhân gây ra tập tính (ví dụ: di truyền, sự tập luyện, ảnh hưởng của môi trường bên ngoài và yếu tố bên trong). + Tập tính vật nuôi về các phản ứng, hoạt động và nhận thức. + Điều hoà tập tính. | LO1, LO3, LO5, LO6, LO7, LO8 |
| | Chia nhóm và phân chia chuyên đề cho các nhóm chuẩn bị | |
| 2 | Di truyền và tập tính <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm sinh học. - Chọn lọc tự nhiên. - Đột biến. - Sự phát triển tập tính. - Sự di truyền tập tính. | LO1, LO7, LO8 |
| 3 | Nhận thức và tập tính <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức của vật nuôi về sự việc, kích thích. - Tác nhân kích thích và ảnh hưởng của kích thích đến chức năng nhận thức. - Bản năng. - Hoạt động kiểm soát thần kinh. - Đáp ứng của các giác quan khi nghe, nhìn, tiếng động | LO1, LO2, LO3, LO7, LO8 |
| 4 | Tập tính và môi trường <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động điều phối của vật nuôi đối với môi trường. - Hoạt động định hướng. - Hoạt động đề kháng của vật nuôi đối với môi trường. - Sự thích nghi. - Nhịp điệu sinh học. - Đồng hồ sinh học. - Chu kỳ sinh sản | LO1, LO2, LO3, LO7, LO8 |

| | | |
|-------|---|---|
| 5 - 6 | Tập tính xã hội của vật nuôi + Tính cộng đồng. + Tính xâm lăng. + Tính cưỡng chế. + Tính trật tự. + Tính vui đùa. + Tính tình dục. + Tính truyền thông. | LO1, LO2, LO3, LO4, LO7, LO8 |
| 7 | Bản năng và luyện tập + Điều hoà và luyện tập. + Kiệt quệ và thích nghi. + Luyện tập phương tiện. + Củng cố. + Tập tính quan sát. + Hướng nhận thức và hoạt động sinh học của luyện tập. | LO1, LO2, LO3, LO4, LO7, LO8 |
| 8 | Welfare và tập tính vật nuôi + Ảnh hưởng tâm lý của các kỹ thuật khác nhau đến quản lý và welfare của vật nuôi. + Đánh giá welfare của vật nuôi thông qua tập tính + Huấn luyện vật nuôi (ngựa, mèo, chó, ...). + Cách tiếp xúc, cầm giữ, cố định và vận chuyển vật nuôi | LO1, LO2, LO3, LO4, LO5, LO7, LO8 |
| 9 | Những xáo trộn ảnh hưởng đến tập tính vật nuôi - Tập tính không bình thường (ví dụ: rối loạn thần kinh, kích động thần kinh...) - Hoạt động thuần hoá vật nuôi. - Ảnh hưởng của giảm tiếp xúc với con người đối với vật nuôi, sự phụ thuộc | LO1, LO2, LO3, LO4, LO7, LO8 |
| 10 | Báo cáo chuyên đề | LO1, LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8 |

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: projector, loa, micro.

ĐH Nông Lâm TP. HCM, ngày 20 tháng 08 năm 2017

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Võ Thị Trà An

PGS. TS. Dương Nguyên Khang

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Kiên Cường

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn